TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11.7.2024
(V/v ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cơ.

Ông Nguyễn Công Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 về "*Tranh chấp Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H năm 1976địa chỉ: Tổ A, phường H, quận L, TP . (*Có mặt*).

- Bị đơn: Nguyễn Sư T- sinh năm 1969địa chỉ: Tổ A, phường H, quận L, TP .(*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Bản tự khai ngày 02 tháng 5 năm 2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H cũ nay là UBND phường H, quận L, TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sinh sống tại Tổ A, phường H, quận L, TP .. Trong quá trình chung sống với chồng gặp rất nhiều mâu thuẫn đỉnh điểm là 05 năm trở lại đây, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn kiếm cớ chửi mắng tôi, thậm chí có sử dụng bạo lực với tôi, tình trạng mâu thuẫn này kéo dài làm cho cuộc sống của tôi bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Bà xác định bà và ông T có 02 con chung là Hai con chung Nguyễn Thạch T1 – sinh năm 1998 và Nguyễn Anh P – sinh năm 2002 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông T có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không nợ ai và không ai nợ ông bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Nguyễn Sư T2 đến Tòa hòa giải 01 lần và trình bày ý kiến: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H1 về điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống của vợ chồng. Trong quá trình chung sống bản thân ông cũng thừa nhận có nhậu nhẹt say xỉn nhưng ông vẫn còn thương yêu vợ con và không đồng ý ly hôn, mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông được đoàn tụ. Tuy nhiên Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa ông T đều không đến.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án tống đạt hợp lệ theo quy định. Do đó, quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã được thực hiện đầy đủ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà H1 được ly hôn với ông T; Về con chung Nguyễn Thạch T1 – sinh năm 1998 và Nguyễn Anh P – sinh năm 2002 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết; Bà H1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi cư trú của ông Nguyễn Sư T3 chỉ: Tổ 13, phường H, quận L, TP . Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân quận L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Sư T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt lần hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Sư T tự nguyện kết hôn vào năm 1996, đăng ký kết hôn hợp pháp tại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, TP . nay là UBND phường hòa K, quận L, TP .. Hôn nhân giữa bà H1 và ông T

đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H1 kiên quyết xin ly hôn với ông T, vì lý do bà cho rằng đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân chính là do ông T thường xuyên say xỉn, chửi bới đánh đập dẫn đến mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được, hiện nay vợ chồng sống chung nhưng không ai quan tâm chắc sóc ai từ tháng 5/2023 đến nay. Nay bà H1 không còn tình cảm nữa. Căn cứ vào lời khai của bà H1 cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện, cũng như biên bản xác minh ngày 29/5/2024 và ngày 04/6/2024 tại địa phương thì vợ chồng bà H1 và ông T có phát sinh mâu thuẫn và địa phương cũng hòa giải nhưng không khắc phục được. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H1 xin ly hôn là có căn cứ. Mặt khác, ông T không muốn ly hôn, muốn đoàn tụ gia đình nhưng Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông T không có thiện chí và tha thiết níu kéo hàn gắn cuộc hôn nhân. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Sư T.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Bà xác định bà và ông T có 02 con chung là Hai con chung Nguyễn Thạch T1 – sinh năm 1998 và Nguyễn Anh P – sinh năm 2002 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà xác định bà và ông T có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không nợ ai và không ai nợ ông bà nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm****:*** Căn cứ vào điểm a khoản điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà H1 được ly hôn với ông T; Về con chung Nguyễn Thạch T1 – sinh năm 1998 và Nguyễn Anh P – sinh năm 2002 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết; Bà H1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. HĐXX xét thấy cần được chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với ông Nguyễn Sư T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị H1 được ly hôn với ông Nguyễn Sư T .

2. Về quan hệ con chung: Bà H1 và ông T có 02 con chung là Hai con chung Nguyễn Thạch T1 – sinh năm 1998 và Nguyễn Anh P – sinh năm 2002 đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 và ông T có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không nợ ai và không ai nợ ông bà nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H1 phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai thu số 468 ngày 25/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, (Bà H1 đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Sư T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã Ký

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Liên Chiểu;*
- *UBND phường Hòa Khánh Bắc;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Liên Chiểu;*
- *UBND phường Hòa Khánh Bắc;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Đức Hoàng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức H2

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND phường hải Châu 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Hoàng